

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 29-8-2022
V/v: Tranh chấp đòi bồi thường
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương.
2. Ông Quàng Văn Màng.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp kiện đòi bồi thường về tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông TVN. Địa chỉ: Bản P, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông PNT và ông NBL là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh SL - Trung tâm tư vấn pháp luật Tây Bắc, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông LVD – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MC và ông QVT – Chủ tịch Hội cựu chiến binh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà LTS; địa chỉ: Bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà LTS: Ông TVN. Đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền công chứng số 320 ngày 09/4/2021). Có mặt.

Ông QVQ - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL; địa chỉ: Bản NN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh ĐQV và chị NTH; địa chỉ: Bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

Anh LVN; địa chỉ: Bản P, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

Anh LVT; địa chỉ: Bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh QVC; địa chỉ: Bản P, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông TVN trình bày:

Năm 2003 ông được bố vợ cho thừa đất có diện tích khoảng $84,22m^2$, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là LTK đều đã chết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố vợ do bà LTS là con dâu đứng tên) theo ông thừa đất này giáp mảnh đất của cửa hàng thương nghiệp cũ, sau đó ông đã san ủi mặt bằng với chiều rộng 5m, chiều dài 18,6m, diện tích là $93m^2$, cộng với một phần đất của cửa hàng thương nghiệp cũ mới đủ làm ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng là $69m^2$. Khối lượng đất ông san ủi là $515,9m^3$.

Đến năm 2013 UBND xã có văn bản số 42 ngày 30/9/2013 cho rằng đất ông đang ở là lấn chiếm của cửa hàng thương nghiệp cũ và muốn lấy thi nộp tiền theo quy định, do khó khăn ông chưa có tiền nộp, nên những người khác đã nộp và lấy được đất của ông. Lúc đó không có quyết định thu hồi, hay thanh lý nhà của ông. UBND đã tháo dỡ nhà mà không có quyết định tháo dỡ hay di dời, cưỡng chế đối ngôi nhà cấp 4 của ông.

Ông đã có đơn khiếu nại nhiều lần, được UBND xã, UBND huyện ML giải quyết nhiều lần với nội dung bác bỏ yêu cầu của ông, do đó ông có đơn khởi kiện ra Tòa án. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã MC, huyện ML phải bồi thường cho ông:

Diện tích $84,22m^2$ đất giáp khu cửa hàng thương nghiệp cũ địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là LTK cho). Mức bồi thường cụ thể là $84,22m^2 \times 1.090.000$, đồng = 91.799.000, đồng.

Công và vật liệu xây nhà cấp 4 diện tích $69m^2 \times 2.851.000$, đồng = 196.719.000, đồng.

Công san ủi mặt bằng chuyển đi đổ chỗ khác với khối lượng $515,9m^3 \times 9000$, đồng = 4.643.000, đồng.

Tổng cộng là 293.161.000, đồng.

Ông cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm:

Giấy chuyển nhượng đất viết tay đề ngày 15/3/2008, người được chuyển nhượng đất ông TVN, người chuyển nhượng đất là LVT và LVT.

Bị đơn Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL trình bày:

Phần đề nghị bồi thường thửa đất 84,22m² giáp cửa hàng Thương nghiệp ở bản CM, xã MC do bố mẹ vợ cho. UBND xã MC không có các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ kiện Tòa án nhân dân huyện ML yêu cầu cung cấp các Quyết định thu hồi của thửa đất trên; Giấy CNQSD đất hoặc các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2014 đối với thửa đất 84,22m² mà ông Ngưng cho rằng là của ông.

Phần đề nghị bồi thường về công và vật liệu xây dựng nhà cấp IV trên diện tích đất 69m². UBND xã MC không có các Quyết định, thông báo, công văn của UBND xã MC liên quan đến việc cho phép xây dựng, cấm xây dựng, buộc tháo dỡ, buộc di dời hoặc bị cưỡng chế đối với ngôi nhà diện tích 69m².

Phần đề nghị hỗ trợ công san ủi mặt bằng chuyển đất đi đổ chỗ khác với khối lượng 515,9m³. UBND xã MC không có các Quyết định, thông báo, công văn, hợp đồng của UBND xã MC liên quan đến việc cho phép san ủi mặt bằng; không có các Quyết định, thông báo, công văn của UBND xã liên quan đến cấm san ủi mặt bằng, đình chỉ việc san ủi mặt bằng và không có hợp đồng của UBND xã liên quan đến việc cho phép san ủi mặt bằng nhưng không thực hiện.

Vì vậy UBND xã MC không nhất trí với các yêu cầu trên của ông TVN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà LTS trình bày: Chồng bà là ông LVT chết năm 2012, bố chồng là LVN chết năm 2014, mẹ chồng LTK chết năm 1984, Bà có quan hệ với ông TVN là con rể, bà con dâu.

Bà trình bày về thửa đất cho ông TVN: Thời điểm Nhà nước làm đường tỉnh lộ 110 xong. Ông TVN có xin và bà có cho thửa đất từ giáp cửa hàng thương nghiệp cũ về phía sau chiều dài 5m, chiều rộng theo đường 17m (giáp đất cửa hàng thương nghiệp cũ), không làm giấy tờ. Sau đó san ủi, ông TVN có làm nhà cấp 4, việc tháo dỡ nhà, hay bán bà không được biết.

Bà công nhận có chuyển nhượng đất cho anh ĐQV và chị NTH từ giáp đất cửa hàng thương nghiệp cũ đến tận luy phía sau, số tiền nhận là 80.000.000, đồng.

Ông LVT trình bày: Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với UBND xã MC, thửa 190, tờ bản đồ 74, diện tích 92,9m², địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, đã nộp tiền 46.450.000, đồng sau đó chuyển nhượng lại cho gia đình anh ĐQV và chị NTH.

Ông QVC trình bày: Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với UBND xã MC, thửa 191, tờ bản đồ 74, diện tích 99m², địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, đã nộp tiền 49.000.000, đồng sau đó chuyển nhượng lại cho gia đình anh ĐQV và chị NTH. Về ngôi nhà cấp 4 do bố vợ ông TVN cho, sau đó chuyển nhượng lại cho gia đình anh ĐQV và chị NTH.

Ông LVN trình bày: Ông xác nhận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với UBND xã MC, thửa 192, tờ bản đồ 74, diện tích $103m^2$, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, đã nộp tiền tiền 14.000.000, đồng sau đó chuyển nhượng lại cho gia đình anh ĐQV và chị NTH.

Anh ĐQV và chị NTH trình bày: Hiện nay gia đình anh chị đang sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Lường Văn Cường, bà LTS, ông LVN, ông LVT và ông QVC, mục đích làm cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Hai anh chị xác nhận không mua bán chuyển nhượng đất đai nhà cửa với ông TVN.

Anh, chị trình bày về ngôi nhà cấp 4 nằm trên phần đất của ông QVC bán cho, do ông QVC (là con rể ông TVN) trước mua lại mảnh đất và ngôi nhà của bố vợ, sau khi bán cho gia đình anh chị, ngôi nhà cũ nát đã được tháo dỡ, việc tháo dỡ không liên quan đến ông TVN.

Anh, chị trình bày về vị trí thửa đất $84,22m^2$, ông TVN san ủi khối lượng $515,9m^3$ (mà ông TVN chỉ nằm giữa nhà anh chị), phần đất này thuộc đất của bà LTS chuyển nhượng cho, nằm giáp phía sau của ba thửa ông LVN, ông LVT và ông QVC chuyển nhượng, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình anh chị đã san ủi toàn bộ để có mặt bằng xây dựng như hiện nay. Và không liên quan đến ông TVN.

Ông QVQ trình bày: Trước ông là Chủ tịch UBND xã MC. Ông xác định việc khởi kiện của ông TVN là không đúng.

Việc UBND xã MC quy hoạch đất đai (thửa 190,191,192) là đất của cửa hàng thương nghiệp cũ do UBND xã quản lý, không phải đất ông TVN. UBND xã MC không thu hồi đất ông TVN, không quy hoạch đất ông TVN. UBND xã MC không hợp đồng san đất ông TVN. UBND xã MC không thu hồi, tháo dỡ nhà cấp 4 của ông TVN. Nên từ trước UBND xã MC không nhất trí yêu cầu của ông TVN.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung:

Căn cứ căn cứ Điều 88; Điều 89; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TVN, yêu cầu UBND xã MC phải bồi thường:

Diện tích $84,22m^2$ đất giáp khu cửa hàng thương nghiệp cũ, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là LTK cho). Mức bồi thường cụ thể là $84,22m^2 \times 1.090.000$, đồng = 91.799.000, đồng.

Công và vật liệu xây nhà cấp 4 diện tích $69m^2 \times 2.851.000$, đồng = 196.719.000, đồng.

Công san ủi mặt bằng chuyển đi đồ chỗ khác với khối lượng $515,9\text{m}^3 \times 9000$, đồng = 4.643.000, đồng. Tổng cộng là 293.161.000, đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà LTS vắng mặt có người đại diện tham gia phiên toà.

Ông QVQ, anh LVT có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về bồi thường tài sản, ông TVN cho rằng UBND xã MC đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp về đất, nhà của ông TVN, theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu UBND xã MC phải bồi thường:

Diện tích $84,22\text{m}^2$ đất giáp khu cửa hàng thương nghiệp cũ, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là LTK cho). Mức bồi thường cụ thể là $84,22\text{m}^2 \times 1.090.000$, đồng = 91.799.000, đồng.

Công và vật liệu xây nhà cấp 4 diện tích $69\text{m}^2 \times 2.851.000$, đồng = 196.719.000, đồng.

Công san ủi mặt bằng chuyển đi đồ chỗ khác với khối lượng $515,9\text{m}^3 \times 9000$, đồng = 4.643.000, đồng. Tổng cộng là 293.161.000, đồng.

[3.1]. Xét chứng cứ ông TVN đưa ra là bản viết tay “Giấy chuyển nhượng đất ngày 15/3/2008”, người được chuyển nhượng đất ông TVN, người chuyển nhượng đất là LVT và LVT. Không công chứng, không chứng thực, không được đăng ký của cơ quan quản lý đất đai. Không có có từ cận tiếp giáp chỉ mô tả chung chung. Ngoài ra ông TVN không cung cấp được giấy tờ, văn bản về việc có căn cứ pháp lý ông là chủ sử dụng thửa đất này. Diện tích đất này vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà LTS và bà LTS là chủ sử dụng đất, đã chuyển nhượng cho anh ĐQV, chị NTH.

[3.2]. Xét lời trình bày của ông TVN về việc UBND xã MC lấy đất, tháo dỡ nhà của ông bán cho người khác mà không có quyết định thu hồi: UBND xã MC xác định không thu hồi thửa đất nào của ông TVN. Việc UBND xã MC quy hoạch đất đai (thửa 190,191,192) là đất của cửa hàng thương nghiệp cũ thuộc

quản lý của UBND xã MC, không phải đất của ông TVN. Không tháo dỡ nhà cửa nào của ông TVN, do đó không nhất trí yêu cầu của ông TVN.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (ba lần) xác định thửa đất ông TVN chỉ và bà LTS trình bày là giáp phía sau đất cửa hàng thương nghiệp cũ (giáp sau thửa 190,191,192), diện tích này được xác định nằm trong diện tích đất của bà LTS đã chuyển nhượng cho anh ĐQV, chị NTH. Đối với ngôi nhà cấp 4 không còn và ông TVN xác nhận tại hai lần xem xét tại chỗ là do anh ĐQV, chị NTH tháo dỡ. Anh ĐQV, chị NTH xác nhận ngôi nhà cấp 4 nằm trên phần đất của ông QVC bán cho, do ông QVC (là con rể ông TVN) trước mua lại mảnh đất và ngôi nhà của bố vợ, sau khi bán cho gia đình anh chị, ngôi nhà cũ nát đã được tháo dỡ, việc tháo dỡ không liên quan đến ông TVN.

[3.3]. Xét lời trình bày của ông TVN về việc: Công san ủi mặt bằng chuyển đất đi đổ chỗ khác với khối lượng $515,9m^3$: UBND xã MC xác định không có các Quyết định, thông báo, công văn, hợp đồng của UBND xã MC liên quan đến việc cho phép, hay không cho phép liên quan đến san ủi mặt bằng này, do đó không nhất trí yêu cầu của ông TVN.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ không xác định được việc san ủi vì hiện trạng thực tế hiện nay là do thửa đất này được anh ĐQV, chị NTH khẳng định nằm trong diện tích đất của bà LTS đã chuyển nhượng cho và gia đình anh chị đã san ủi và xây dựng cửa hàng.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên. Và căn cứ Điều 88; Điều 89; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Không có căn cứ xác định UBND xã MC đã thu hồi đất, nhà trên đất của ông TVN mà không bồi thường. Do đó không có căn cứ xác định UBND xã MC xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của ông TVN.

Như vậy: Không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TVN, yêu cầu UBND xã MC phải bồi thường:

Diện tích $84,22m^2$ đất giáp khu cửa hàng thương nghiệp cũ, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là Lò Thị Khiêm cho). Mức bồi thường cụ thể là $84,22m^2 \times 1.090.000$, đồng = 91.799.000, đồng.

Công và vật liệu xây nhà cấp 4 diện tích $69m^2 \times 2.851.000$, đồng = 196.719.000, đồng.

Công san ủi mặt bằng chuyển đi đổ chỗ khác với khối lượng $515,9m^3 \times 9000$, đồng = 4.643.000, đồng. Tổng cộng là 293.161.000, đồng.

[4]. Về các ý kiến liên quan cần xem xét:

Đối với lời khai tại phiên tòa của ông TVN xem xét số tiền thu từ việc chuyển nhượng đất để làm gì. Xét yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Vì có căn cứ số tiền này đã được nộp ngân sách tại kho bạc.

Đối với việc xuất trình biên bản kiểm tra đất ngày 04/8/2009 của ông TVN. UBND xã MC cho rằng ông TVN đã chuyển nhượng 75m² đất của cửa hàng thương nghiệp cho anh LVT, sẽ được giải quyết sau, không liên quan đến vụ án này. Hội đồng xét xử xét là có căn cứ cần chấp nhận.

Ông TVN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, do không có đơn và tài liệu xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ Điều 88; Điều 89; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TVN, về yêu cầu UBND xã MC phải bồi thường:

Diện tích 84,22m² đất giáp khu cửa hàng thương nghiệp cũ, địa chỉ ở bản CM, xã MC, huyện ML, tỉnh SL (bố vợ là ông LVN, mẹ vợ là LTK cho). Mức bồi thường cụ thể là 84,22m² x 1.090.000, đồng = 91.799.000, đồng.

Công và vật liệu xây nhà cấp 4 diện tích 69m² x 2.851.000, đồng = 196.719.000, đồng.

Công san ủi mặt bằng chuyển đi đổ chỗ khác với khối lượng 515,9m³ x 9000, đồng = 4.643.000, đồng. Tổng cộng là 293.161.000, đồng.

2. Về án phí: Ông TVN phải chịu 14.658.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 7.000.000, đồng (bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000081 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL. Còn phải nộp tiếp là 7.658.000, đồng (bảy triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/8/2022. Báo cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

